

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 302/2018/DS - ST

Ngày: 28/9/2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Hoa Kiêu**.

Ông **Nguyễn Phúc Viễn**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đỗ Thanh Phong** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2018/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2018/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 212/2018/QĐST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Diệu A**, sinh năm 1973.

Trú tại: ấp N, xã O, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: **Chị Trần Thị Cẩm B**, sinh năm 1967.

Trú tại: ấp M, xã P, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

(Chị A có mặt, chị B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn **Chị A** trình bày:

Chị và chị B có quen biết nhau từ trước nên vào ngày 20/01/2017, chị có cho chị B mượn số tiền 20.000.000 đồng có lập biên nhận và thỏa thuận miệng một tháng sau sẽ trả lại, mức lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, chị B trả lãi mỗi tháng 600.000 đồng, trả đến tháng 4/2018 thì ngưng cho đến nay. Ngày 09/01/2018, chị tiếp tục cho chị B vay số tiền 35.000.000 đồng, có lập biên

nhận, hứa một tháng sau sẽ trả số tiền 10.000.000 đồng, còn lại 25.000.000 đồng hẹn đến tết năm 2018 sẽ trả lại, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, chị B chưa trả được tháng tiền lãi nào.

Do đến hạn trả tiền nhưng chị B không thực hiện trả nợ nên chị A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị B trả cho chị số tiền vay 55.000.000 đồng, trả làm 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật, chị không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn chị B vắng mặt, mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị B.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa chị A và chị B là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị A: Chị A khởi kiện yêu cầu chị Thuý trả cho chị số tiền 55.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp lực. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, chị A cung cấp cho Tòa án 02 biên nhận có chữ ký và chữ viết của chị B: Biên nhận ngày 20/01/2017 với nội dung “*Tôi tên là Chị B có mượn của em A với số tiền là 20.000.000 đồng....*” thỏa thuận một tháng sau sẽ trả lại và biên nhận ngày 09/01/2018 với nội dung “*Tôi tên là Chị B có mượn của em A với số tiền là 35 triệu đồng (ba mươi lăm triệu chẵn)...*” thỏa thuận số tiền 10.000.000đồng hứa một tháng sau sẽ trả lại, đối với số tiền 25.000.000đồng hẹn đến tết năm 2018 sẽ hoàn trả. Tại phiên tòa, chị A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng chị B vẫn chưa trả tiền cho chị A là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm sự thỏa thuận giữa hai bên, gây thiệt thòi quyền lợi cho chị A. Chị B vắng mặt xem như từ bỏ quyền chứng minh của mình đối với số tiền mà chị A yêu cầu.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định chị B nợ chị A số tiền 55.000.000 đồng và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A, buộc chị B có nghĩa vụ trả cho chị A số tiền 55.000.000 đồng làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Diệu A.

Buộc chị Trần Thị Cẩm B có nghĩa vụ trả cho chị A số tiền 55.000.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu đồng*). Thời gian trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp chị B chậm trả số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với lãi suất theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

+ Chị B phải chịu 2.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn lại cho chị A số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 1.375.000 theo biên lai thu số 0014785 ngày 27/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm, đối với chị B kháng cáo tính từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./

*** Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Phan Thanh Bình

